

Số: /TYC-BVNT

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2026

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Luân - Phòng VTTBYT – SĐT: 0979.666.904.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 05 tháng 3 năm 2026 đến trước 15h ngày 18 tháng 3 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18/3/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận (phụ lục 01).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại phụ lục 02.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá). Công ty có thể gửi tài liệu sau thời hạn nhận báo giá trong vòng 5 ngày làm việc.

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 01 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>)

hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Luân - Phòng VTTBYT – SĐT: 0979.666.904, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT₄

GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thạch

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày /3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I	Phần 1: Chỉ phẫu thuật			
1	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 0, dài $\geq 75\text{cm}$ x 10 sợi	Tép	1.000
2	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn 1/2C dài $\leq 26\text{mm}$	Tép	2.000
3	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 3/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn 1/2C dài $\leq 26\text{mm}$	Tép	1.800
4	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 3/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài $\leq 26\text{mm}$	Tép	7.000
5	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 4/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài $\leq 18\text{mm}$	Tép	4.500
6	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 5/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài $\leq 16\text{mm}$	Tép	600
7	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 5/0, dài $\geq 76\text{cm}$, kim tròn 3/8C dài $\leq 10\text{mm}$	Tép	100
8	Chỉ không tan đa sợi	Chỉ không tan đa sợi số 6/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài $\leq 13\text{mm}$	Tép	100
9	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài 26 - 30mm	Tép	5.000
10	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 70 - 75cm, kim tam giác 3/8C dài $\leq 26\text{mm}$	Tép	40.000
11	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 4/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài 18 - 19mm	Tép	600
12	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 5/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài $\leq 16\text{mm}$	Tép	200
13	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 6/0, dài $\geq 45\text{cm}$, kim tam giác 3/8C dài $\leq 12\text{mm}$	Tép	400
14	Chỉ không tan đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polyamide số 10/0, dài $\geq 30\text{cm}$, kim hình thang 3/8C dài $\leq 6\text{mm}$	Tép	300
15	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài $\geq 120\text{cm}$, kim tròn đầu cắt 1/2C dài $\leq 26\text{mm}$	Tép	500
16	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn 1/2C dài $\leq 26\text{mm}$	Tép	250
17	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0, dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn 1/2C dài $\leq 22\text{mm}$	Tép	250
18	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn 1/2C dài $\leq 13\text{mm}$	Tép	250
19	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0, dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn 3/8C dài $\leq 13\text{mm}$	Tép	200
20	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7/0, dài $\geq 60\text{cm}$, kim tròn 3/8C dài $\leq 6.4\text{mm}$	Tép	200
21	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 1, dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn 1/2C dài $\leq 40\text{mm}$ được phủ poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate hoặc tương đương	Tép	40.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
22	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm được phủ poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate hoặc tương đương	Tép	2.000
23	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm được phủ poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate hoặc tương đương	Tép	3.000
24	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 18 mm được phủ poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate hoặc tương đương	Tép	2.000
25	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 2/0, dài ≥ 90 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 36 mm	Tép	10.000
26	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 1, dài ≥ 90 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 48 mm	Tép	800
27	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0, dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	200
28	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0, dài ≥ 70 cm kim tròn 1/2C dài ≤ 26 mm	Tép	200
29	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0, dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2C dài ≤ 20 mm	Tép	200
30	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0, dài ≥ 70 cm kim tròn 3/8C dài ≤ 13 mm	Tép	200
31	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0, dài ≥ 70 cm kim tròn 1/2C dài ≤ 13 mm	Tép	200
32	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 7/0, dài ≥ 70 cm kim tròn 3/8C dài ≤ 9 mm	Tép	300
33	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone số 3/0, dài ≥ 70 cm kim tròn 1/2C dài ≤ 18 mm	Tép	200
34	Chỉ thép không tiêu	Chỉ thép không gỉ, không kim số 1, dài ≤ 40 cm	Tép	200
II	Phần 2: Bộ dụng cụ dùng trong phẫu thuật			
1	Cán dao mổ	Cán dao số 3, loại tiêu chuẩn, dài 120mm	Cái	10
2	Cán dao mổ	Cán dao số 4, loại tiêu chuẩn, dài 135mm	Cái	20
3	Kẹp gấp mô	Kẹp ruột Allis, thẳng, ngàm có răng (4x5), dài 150mm	Cái	50
4	Kẹp mạch máu	Kẹp cầm máu Ochsner-Kocher, thẳng, ngàm có răng (1x2), dài 150mm	Cái	40
5	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Crile, mảnh, thẳng, dài 140mm	Cái	40
6	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Crile, mảnh, cong, dài 140mm	Cái	40
7	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Crile-Rankin, mảnh, cong, dài 160mm	Cái	100
8	Kẹp mạch máu	Kẹp Bulldog Glover, loại nhỏ, thẳng, cỡ J, dài 40mm, ngàm dài 18mm, nặng 0.8g, chất liệu Titanium màu xám, dùng cho tĩnh mạch	Cái	6
9	Kẹp mạch máu	Kẹp Bulldog Glover, loại nhỏ, cong, cỡ N, dài 40mm, ngàm dài 18mm, nặng 0.8g, chất liệu Titanium màu xám, dùng cho tĩnh mạch	Cái	6
10	Kẹp mạch máu	Kẹp phẫu tích Micro-Mosquito, cong, rất mảnh, dài 100mm	Cái	30
11	Kẹp mang kim	Kìm mang kim Hegar, cán vàng, dài 200mm, dùng cho chỉ 0.6 - 4.0	Cái	40
12	Kẹp mang kim	Kìm mang kim Mayo-Hegar, cán vàng, dài 160mm, dùng cho chỉ 0.6 - 4.0	Cái	3
13	Kẹp mang kim	Kìm mang kim vi phẫu Jacobson, thẳng, ngàm mảnh phủ bụi kim cương, kích thước ngàm 0.4mm, cán tròn, có khóa cài, kiểu nhíp, màu trắng, dài 150mm	Cái	3
14	Kẹp mang kim	Kìm mang kim Hegar-Baumgartner, cán vàng, dài 130mm, dùng cho chỉ 4.0 - 6.0	Cái	2
15	Kéo phẫu thuật	Kéo Mayo, cán vàng, cong, dài 170mm	Cái	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
16	Kéo phẫu thuật	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, số 1, thẳng, hai đầu tù, dài 170mm	Cái	20
17	Kéo phẫu thuật	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, số 2, thẳng, hai đầu tù/nhọn, dài 140mm	Cái	2
18	Kéo phẫu tích	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, hai đầu tù, cán vàng, dài 180mm	Cái	20
19	Kéo phẫu tích	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài 14cm, cán màu vàng/trắng	Cái	2
20	Kéo phẫu tích	Kéo Joseph, cán vàng, thẳng, dài 140mm	Cái	2
21	Kéo phẫu tích	Kéo Joseph, cán vàng, cong, dài 140mm	Cái	2
22	Kẹp mô	Nhíp phẫu tích, mũi mảnh, thẳng, ngàm có khía, dài 160mm	Cái	40
23	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích, mũi mảnh, thẳng, ngàm có khía, dài 180mm	Cái	20
24	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích POTTS-SMITH, cán vàng, thân mảnh, thẳng, dài 200mm	Cái	5
25	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích Adson-Micro, dài 12cm	Cái	4
26	Nhíp vi phẫu mô	Nhíp Adson, ngàm rộng 1.3mm có răng (1x2), chiều dài 150mm	Cái	4
27	Nhíp mô	Nhíp phẫu tích, thẳng, đầu nhỏ, hàm có răng (1x2), dài 180mm	Cái	20
28	Nhíp mô	Nhíp Semken, thân mảnh, thẳng, mũi 0.7mm, hàm có răng (1x2), dài 125mm	Cái	3
29	Nhíp mô	Nhíp gấp mảnh vụn, thẳng, hàm trơn, mảnh, dài 115mm	Cái	5
30	Nhíp mô	Nhíp phẫu tích, loại mảnh, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 145mm	Cái	4
31	Kẹp tử cung	Kẹp tử cung Heaney Modif, cong, dài 230mm	Cái	5
32	Kẹp tử cung	Kẹp phẫu tích tử cung Pozzi, loại khỏe, dài 255mm	Cái	5
33	Kéo cắt chỉ	Kéo Iris, cán vàng, cong, mũi nhọn/nhọn, dài 115mm	Cái	3
34	Kéo cắt chỉ	Kéo Steven, cán vàng, cong, dài 115mm	Cái	3
35	Kéo cắt chỉ	Kéo Iris, cán vàng, thẳng, mũi nhọn/nhọn, dài 115mm	Cái	3
36	Kéo cắt chỉ	Kéo cắt chỉ Metzenbaum, cán vàng, cong, dài 140mm, lưỡi gợn sóng	Cái	2
37	Nhíp vi phẫu	Nhíp vi phẫu, thẳng, mẫu 5a, dài 110mm	Cái	3
38	Kẹp phẫu tích	Nhíp vi phẫu, đầu thẳng, tay cầm chất liệu peek, đầu 0.15mm	Cái	3
39	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, lưỡi thẳng, hai đầu nhọn, tay cầm ốp nhựa peek, dài 120mm	Cái	3
40	Kẹp phẫu tích tử cung	Kẹp tử cung Wertheim cong, dài 260mm	Cái	5
41	Kềm cắt xương	Kìm cắt xương Liston, gấp góc, hoạt động đôi, dài 240mm	Cái	1
42	Kềm cắt xương	Kìm cắt xương Ruskin-Liston, gấp góc, hoạt động đôi, dài 190mm	Cái	1
43	Kềm cắt chỉ thép	Kìm cắt chỉ thép Reil, cán vàng, dài 175mm, dùng cắt chỉ cứng đường kính tới Ø 1.5mm, chỉ mềm tới Ø 2mm	Cái	10
44	Kềm cắt chỉ thép	Kìm cắt chỉ thép, cán vàng, đầu gấp góc, dài 220mm, dùng cắt chỉ cứng đường kính tới Ø 2.2mm, chỉ mềm tới Ø 3mm	Cái	10
45	Cây dẫn dây cưa	Cây dẫn De Martel, linh động, dài 330mm, sử dụng để dẫn dây cưa sọ Gigli và Olivecrona	Cái	20
46	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 1	Kẹp phẫu tích Baby-Mixter, cong nhiều, dài 140mm	Cái	2
47	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 2	Kẹp phẫu tích Mixter dạng mảnh, cong, dài 18cm	Cái	2
48	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 3	Kẹp mạch máu Heiss, mảnh, cong, đầu tù, dài 200mm	Cái	2
49	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 4	Kẹp phẫu tích Overholt-Geissendoerfer, cong, dài 210mm	Cái	2
50	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 5	Kẹp mạch máu Heiss, mảnh, cong nhiều, đầu tù, dài 200mm	Cái	2

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
51	Dụng cụ bóc tách và gấp chỉ 6	Kẹp phẫu tích Overholt-Geissendoerfer, cong, dài 270mm	Cái	2
52	Banh bưng	Đề bưng/ruột Ribbon, có thể uốn được, dài 330mm, lưỡi rộng 25mm	Cái	4
53	Banh bưng	Đề bưng/ruột Ribbon, có thể uốn được, dài 330mm, lưỡi rộng 30mm	Cái	4
54	Banh bưng	Đề bưng/ruột Ribbon, có thể uốn được, dài 330mm, lưỡi rộng 40mm	Cái	4
55	Banh bưng	Đề bưng/ruột Ribbon, có thể uốn được, dài 330mm, lưỡi rộng 50mm	Cái	4
56	Banh bưng	Đề bưng/ruột, có thể uốn được, dài 200mm, lưỡi rộng 12mm	Cái	4
57	Banh bưng	Đề bưng/ruột, có thể uốn được, dài 200mm, lưỡi rộng 17mm	Cái	4
58	Banh bưng	Đề bưng/ruột, có thể uốn được, dài 250mm, lưỡi rộng 25mm	Cái	4
59	Banh bưng	Đề bưng/ruột Haberer, thon, có thể uốn được, dài 305mm, 2 lưỡi rộng 40mm và 50mm	Cái	4
60	Bát tròn nhỏ	Bát nhựa, kích thước 80 x 60mm, thể tích 200ml, chất liệu polypropylene, có thể tái sử dụng, hấp được ở nhiệt độ cao	Cái	100
61	Bát tròn nhỏ	Bát nhựa, kích thước 150 x 70mm, thể tích 500ml, chất liệu polypropylene, có thể tái sử dụng, hấp được ở nhiệt độ cao	Cái	100
III. Phần 3: Vật tư phẫu thuật Phaco				
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu với bốn điểm tựa Chất liệu acrylic ngâm nước 25% với bề mặt không ngâm nước hoặc tương đương Kính lắp sẵn trong cartridge, đặt qua vết mổ nhỏ khoảng 1.8mm Đường kính Optic ≥ 6 mm, chiều dài ≥ 11 mm Cầu sai trung tính, dải công suất 0D đến +32D: 0D đến +10D và 30D đến +32D tăng đều 1D; từ +10D đến +30D tăng đều 0.5D Chỉ số khúc xạ khoảng 1.46	Cái	240
2	Thủy tinh thể nhân tạo cứng	Thủy tinh thể nhân tạo cứng hậu phòng: Chất liệu PMMA hoặc tương đương, thiết kế càng chữ C Chỉ số khúc xạ khoảng 1.49 Độ sâu tiền phòng (ACD) khoảng 5.01 Đường kính Optic ≥ 5.5 mm, chiều dài ≥ 12.5 mm Hàng số A khoảng 118.4 Dãy diop: -10.0D - +30.0D Tiệt trùng	Cái	48
3	Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật Phaco	Thành phần: Sodium Hyaluronate (NaHa), nồng độ NaHa 1.5% Độ pH 6.8 - 7.6, độ thẩm thấu 300 - 360 (mOsmol/kg) Ổng/ ≥ 1 ml	Ổng	575
4	Mực nhuộm bao	Dung dịch nhuộm bao Trypan Blue 0.06% Dung dịch màu xanh chứa trong lọ thủy tinh, tiệt trùng Lọ/ ≥ 1 ml	Lọ	96
5	Dao phẫu thuật nhãn khoa	Chất liệu: lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge) hoặc tương đương Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát	Cái	288
6	Dao phẫu thuật nhãn khoa	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge) hoặc tương đương Kích thước lưỡi dao ngang: ≥ 2.8 mm, dày ≤ 0.14 mm, cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc 45 độ	Cái	288
7	Băng phim vô trùng	Dán trực tiếp lên vùng phẫu thuật sau khi mổ chống nhiễm trùng Kích thước: $\geq (6 \times 7)$ cm	Cái	288
8	Bộ dẫn lưu thủy dịch	Tương thích với Hệ thống phẫu thuật Phaco NIDEK CV-30000 đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	48
9	Dây dịch truyền dẫn lưu mổ phaco	Tương thích với Hệ thống phẫu thuật Phaco NIDEK CV-30000 đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	48

PHỤ LỤC 02
MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng/nước sản xuất	Mã HS	Hạn dùng (≥ tháng)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 02.1**MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN*****Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận***

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại TBYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

....., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))